TÒA ÁN NHÂN DÂN. **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 387/2021/DS-PT
Ngày: 20/4/2021.
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thuỳ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hoàng Anh Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 650/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"; Do bản án dân sự sơ thẩm số 428/2020/DS-ST ngày: 30/9/2020 của Toà án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1282/2021/QĐPT-DS ngày 25/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Mai Thành T, sinh năm 1969; Địa chỉ: đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ông Lâm Ngọc Đ, sinh năm 1965; Địa chỉ: đường T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Đỗ Đình N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Phường W, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 8085 ngày 07/4/2021) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Chí P, sinh năm 1944 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1941; Cùng địa chỉ: đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; Địa chỉ: đường N, Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền số 016201 ngày 13/9/2017) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P và bà T: Ông Trần Vân L - Luật sư của Văn phòng Luật sư V - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Đỗ Thiên P, sinh năm 1965; Địa chỉ: đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; Địa chỉ: đường N, Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền số 743, ngày 17/7/2017) (có mặt).

3.2. Bà Hồ Đỗ Thiện C, sinh năm 1971;

3.3. Ông Hồ Đỗ Thế P, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà C, ông P là: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; Địa chỉ: đường N, Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 022879 ngày 18/12/2017) (có mặt).

3.4. Ông Trương Phước N, sinh năm 1969; Ngụ tại: đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Được sự uỷ quyền của con gái là Hồ Đỗ Thiên P - là người đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà và đất số 101 đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 1408/2009/UBND.GCN ngày 20/3/2009 do UBND quận T cấp. Ngày 09/01/2017, ông Hồ Chí P, bà Đỗ Thị T đã tiến hành ký kết hợp đồng đặt cọc về việc mua bán nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 101 đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng diện tích là 5.328,61m^2 cho ông Mai Thành T, ông Lâm Ngọc Đ và với giá chuyển nhượng là 40.000.000.000 đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng đặt cọc, ông T và ông Đ đã giao cho ông P, bà T số tiền là 4.000.000.000 đồng. Theo hợp đồng, ông P, bà T có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục liên quan khác để hoàn tất việc chuyển nhượng và giao đất cho ông T, ông Đ.

Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu nhưng ông P, bà T trì hoãn, không thực hiện nội dung thoả thuận. Hiện nay, ông P, bà T vẫn đang quản lý, sử dụng phần đất trên.

Ngày 15/02/2017, ông T, ông Đ đã tiến hành hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng tổng diện tích nhà đất trên cho ông Trương Phước N với giá 50.000.000.000 đồng. Ông N đã đặt cọc cho các ông số tiền là 10 tỷ đồng. Tuy nhiên, hiện nay do có trục trặc trong việc chuyển nhượng với ông P, bà T nên

các ông chưa thực hiện được việc chuyển nhượng nhà và đất nêu trên cho ông N.

Nguyên đơn yêu cầu:

1. Ông Hồ Chí P, bà Đỗ Thị T tiếp tục thực hiện các nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc ngày 09/01/2017. Ông Hồ Chí P, bà Đỗ Thị T hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định để sang tên nhà đất tại địa chỉ số 101 đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông T, ông Đ; Ông Hồ Chí P, bà Đỗ Thị T phải bàn giao ngay nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số 101 đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông T, ông Đ để ông T, ông Đ quản lý như đã cam kết.

2. Trong trường hợp ông P và bà T không tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán nhà đất nêu trên thì bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 18.000.000.000 đồng, trong đó bao gồm:

+ Số tiền đã nhận 4.000.000.000 đồng.

+ Phạt cọc 4.000.000.000 đồng.

+ Bồi thường số tiền 10.000.000.000 đồng để nguyên đơn bồi thường cho bên thứ 3 vì sau khi ký hợp đồng đặt cọc, nguyên đơn đã sang nhượng lại cho ông Trương Phước N với giá 50.000.000.000 đồng và đã nhận cọc 10.000.000.000 đồng.

2. Bị đơn trình bày:

Ông P và bà T là cha mẹ ruột của bà Hồ Đỗ Thiên P. Bà P là người có quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà và đất tại địa chỉ số 101 đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 1408/2009/UBND.GCN do Uỷ ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2009.

Nhà đất chuyển nhượng có tổng diện tích 5.328,61m^2. Đối với phần nhà có diện tích 120,9m^2 đã được cấp chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; đối với diện tích đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 26/8/2013, bà P có lập ủy quyền cho ông Hồ Chí P và bà Đỗ Thị T được thay mặt quản lý, sử dụng, cho thuê, thế chấp, tặng cho, mua bán, chuyển nhượng căn nhà và đất theo Giấy chứng nhận nêu trên.

Ngày 09/01/2017, ông P và bà T đã ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 5.328,61m^2 cho ông Mai Thành T và ông Lâm Ngọc Đ với

giá 40.000.000.000 đồng. Ngày 09/01/2017 ông T và ông Đ đã đặt cọc cho ông P, bà T số tiền là 4.000.000.000 đồng.

Sau khi hai bên giao nhận tiền đặt cọc và ký hợp đồng đặt cọc thì bà Hồ Đỗ Thiên P biết việc đặt cọc để thực hiện chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 5.328,61m^2 nên bà P không đồng ý vì bà P cho rằng bà chỉ ủy quyền bán một phần diện tích đất 120,9m^2 nhà. Cha mẹ bà nhầm lẫn ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng toàn bộ diện tích 5.328,61m^2 trong đó có phần diện tích đất chưa được công nhận là không đúng.

Nay ông P, bà T đề nghị huỷ hợp đồng trên với lý do bà P không ủy quyền cho ông P, bà T chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất mà chỉ ủy quyền cho ông P, bà T bán diện tích nhà đất 120,9m^2 được cấp chủ quyền. Việc ông P, bà T nhận tiền đặt cọc để bán toàn bộ diện tích đất của bà P là vượt quá phạm vi ủy quyền của bà P do ông bà bị nhầm lẫn.

Ông P, bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ông P và bà T chỉ đồng ý trả lại 4.000.000.000 đồng và bồi thường số tiền theo mức lãi suất ngân hàng tính là 1%/tháng cho số tiền 4.000.000.000 đồng tính từ ngày ký hợp đồng đặt cọc cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước N trình bày:

Ngày 15/02/2017, ông và các ông Mai Thành T, Lâm Ngọc Đ có tiến hành việc ký kết Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất tại địa chỉ số 101 đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng diện tích là 5.328,61m^2 thuộc các thửa số 1, 3, 4 và một phần thửa số 2 tọa lạc tại địa chỉ số 101 đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thỏa thuận là 50.000.000.000 đồng, được chia thành ba đợt thanh toán. Đợt 1 ngay sau khi ký hợp đồng, ông đã thanh toán cho ông T, ông Đ số tiền là 10.000.000.000 đồng. Sau đó, ông đã yêu cầu ông T, ông Đ nhanh chóng hoàn tất các nội dung đã thỏa thuận thì ông T, ông Đ cho biết có trục trặc với bên phía ông P, bà T nên ông T, ông Đ xin thêm thời gian để thương lượng, giải quyết với ông P, bà T. Đã nhiều lần ông cùng ông T, ông Đ đến gặp ông P, bà T nhưng không lần nào ông P, bà T hợp tác.

Nay ông yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp, không tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc thì ông yêu cầu ông T, ông Đ phải trả cho ông số tiền là 10.000.000.000 đồng và bồi thường tiền cọc 10.000.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 428/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Toà án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thành T và ông Lâm Ngọc Đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng của ông Mai Thành T và ông Lâm Ngọc Đ.

3. Buộc ông Hồ Chí P và bà Đỗ Thị T phải trả cho ông T và ông Đ số tiền 17.970.000.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Trương Phước N.

Buộc ông Mai Thành T và ông Lâm Ngọc Đ phải trả cho ông N số tiền là 10.000.000.000 đồng.

Thời hạn thi hành: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định đảm bảo, án phí, quyền kháng cáo.

4. Ngày 13/10/2020, ông Hồ Chí P và bà Đỗ Thị T có đơn kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng tuyên bố hợp đồng vô hiệu, xác định hai bên cùng có lỗi.

Ngày 12/10/2020, ông Trương Phước N kháng cáo, đề nghị xem xét buộc ông Mai Thành T và ông Lâm Ngọc Đ phải bồi thường cho ông 10.000.000.000 đồng.

Ngày 28/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 11311/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/10/2020, đề nghị xem xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như đường lối xét xử của án sơ thẩm.

5. Tại phiên toà phúc thẩm.

5.1. Nguyên đơn: Bị đơn đã không cung cấp cho Hội đồng xét xử sơ thẩm thông tin của bà P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khi giải quyết vụ án nên Toà án cấp sơ thẩm xét xử không sai thẩm quyền.

Không đồng ý quan điểm kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thoả thuận đặt cọc của hai bên có điều kiện nên hợp đồng này không vô hiệu. Bị đơn không tiến hành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến không thể thực hiện hợp đồng là lỗi của bị đơn. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện vụ án, buộc bị đơn bồi thường 10% giá trị tài sản tranh chấp là đúng pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5.2. Bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn phát biểu: cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, dẫn đến áp dụng sai pháp luật, dẫn đến quyết định sai, yêu cầu bị đơn bồi thường

hợp đồng không có căn cứ pháp luật. Đồng tình với nhận định trong Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm đưa về xét xử lại theo đúng thẩm quyền.

5.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trương Phương N, đề nghị sửa án sơ thẩm, buộc ông T, ông Đ bồi thường cho ông gấp đôi tiền cọc.

+ Đại diện theo uỷ quyền của bà P, bà C, ông P: Giống ý kiến của bị đơn và luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn.

5.4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn. Đơn kháng cáo của ông Hồ Chí P, bà Đỗ Thị T và ông Trương Phước N trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên vụ án được chấp nhận xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật;

+ Về nội dung:

Căn cứ hợp đồng uỷ quyền của bà Hồ Đỗ Thiên P uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn B lập tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ngày 01/6/2017 được lãnh sự quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận cùng ngày; căn cứ kết quả xác minh ngày 13/9/2017 của Uỷ ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà P "đã sang Mỹ định cư". Do đó xác định: bà Hồ Đỗ Thiên P - người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài. Mặc dù khi thụ lý vụ án đương sự chưa cung cấp đầy đủ thông tin người liên quan nhưng khi có kết quả xác minh, thu thập tài liệu đủ để xác định bà P là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cấp sơ thẩm đã không chuyển hồ sơ theo thẩm quyền là trái quy định pháp luật. Ngoài ra, cấp sơ thẩm áp dụng sai quan hệ pháp luật dẫn đến vận dụng sai pháp luật khi quyết định đường lối xét xử.

Đề nghị chấp nhận kháng nghị và quan điểm luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, huỷ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ lại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền. Do đề nghị huỷ án nên không xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Hồ Chí P, bà Đỗ Thi T và ông Trương Phước N; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, phù hợp quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, bản án dân sự sơ thẩm số 428/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Toà án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Trong Quyết định kháng nghị số 11311/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét việc xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm.

Xét thấy,

Nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ là hợp đồng đặt cọc, theo trình bày của các đương sự xác định giao dịch giữa hai bên chỉ mới thực hiện ở giai đoạn đặt cọc. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" như quan điểm Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ hợp đồng uỷ quyền của của bà Hồ Đỗ Thiên P uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn B lập tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ngày 01/6/2017 đã được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận cùng ngày; căn cứ kết quả xác minh ngày 13/9/2017 của Uỷ ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà P "đã sang Mỹ định cư" có đủ cơ sở xác định: bà Hồ Đỗ Thiên P - người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án - là người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài.

Căn cứ hướng dẫn tại Điều 7, Nghị Quyết 03/2012 về "Đương sự ở nước ngoài" thì trường hợp này thuộc quy định tại điểm b "Đương sự là người Việt Nam định cư, làm ăn, học tập, công tác ở nước ngoài có mặt hoặc không có mặt tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ việc dân sự". Tại thời điểm Toà án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án ngày 20/6/2017, bà Hồ Đỗ Thiên P là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và không có mặt tại Việt Nam.

Như vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Toà án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là sai thẩm quyền.

Do đó, cần huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 428/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Toà án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân cấp tỉnh để xem xét giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do huỷ án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung vụ án, không xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày 30/12/2016.

1. Về hình thức: Chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông ông Hồ Chí P, bà Đỗ Thị T và ông Trương Phước N.

2. Về nội dung: Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 428/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Toà án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

4. Về Án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được xem xét, quyết định khi vụ án được xét xử lại.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Đương sư không phải chịu án phí.

5.1. Hoàn trả cho ông Hồ Chí P, bà Đỗ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0071197 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Hoàn trả cho ông Trương Phước N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0071137 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp